

Số: 693 /BC-SNNMT

Cà Mau, ngày 09 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo
Nghị quyết quy định nội dung, mức chi từ ngân sách địa phương cho hoạt
động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng văn bản thay Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết và đã dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đơn vị có liên quan, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo đúng quy định (Công văn số 2381/SNNMT-KN ngày 20/3/2026), Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp giải trình, tiếp thu và hoàn thiện nội dung dự thảo nêu trên gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 3598/SNNMT-KN ngày 17 tháng 4 năm 2026.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 550/BC-STP báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi từ ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Qua nghiên cứu ý kiến của cơ quan thẩm định và đối chiếu với các văn bản có liên quan, cơ quan soạn thảo báo cáo giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo cụ thể như sau:

(Gửi kèm Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp).

Trên đây là nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi từ ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở (nắm);
- Sở Tư pháp (p/h);
- Phòng Pháp chế SNN&MT (theo dõi);
- Lưu: VT, TTKN_(Huy).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bình Thuận

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi từ ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	NỘI DUNG	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO
1	Về căn cứ pháp lý	Về căn cứ pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. + Đối với “Căn cứ luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14”, đề nghị điều chỉnh thành “Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15” cho phù hợp. + Đề nghị bổ sung “Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước” cho chặt chẽ. Tại nội dung “Xét Tờ trình...”, đề nghị điều chỉnh cụm từ “về việc ban hành Nghị quyết” thành “về dự thảo Nghị quyết” cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông; Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

			định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC; Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Tại Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại như sau “Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC” cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC
3	Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông	+ Tại khoản 1, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại việc viển dẫn “Nghị quyết định số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: 1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

		<i>nước của tỉnh Cà Mau</i>” để đảm bảo tính ổn định của văn bản, vì theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì các Nghị quyết này phải được thay thế trước ngày 01 tháng 6 năm 2026. + Tại khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “<i>bồi dưỡng công chức</i>” thành “<i>bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động</i>” cho phù hợp. + Tại khoản 3, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn, đi lại, lưu trú theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau cho phù hợp.	ban hành Quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước của tỉnh Cà Mau. 2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, khảo sát thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học, thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ, tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công. 3. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ - Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP: + Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi
--	--	--	--

			phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau. + Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. - Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ: + Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân
--	--	--	---

			thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. + Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo
--	--	--	--

			mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.
4	Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông	- Tại khoản 2 Điều 6, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “ <i>Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của Cà Mau</i> ” thành “ <i>Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau</i> ” cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông 2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.
5	Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác	- Tại Điều 7, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “ <i>Khuyến nông</i> ” thành “ <i>khuyến nông</i> ” cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác 1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước. 2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp

			đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật. 3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông. Nội dung chi và định mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC. b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành. 5. Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
6	Điều 9. Hiệu lực thi hành	- Tại khoản 2 Điều 9, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh các cụm từ “ngày 09/10/2020”, “ngày 08/12/2020” thành “ngày 09 tháng 10 năm 2020”, “ngày 08 tháng 12 năm 2020” cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Điều 9. Hiệu lực thi hành 2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: a) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn

			ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. b) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
7	Điều 10. Tổ chức thực hiện Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp	- Đề nghị cơ quan soạn thảo hoán đổi vị trí của Điều 10 và Điều 11 cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. 2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này. 3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới. 4. Đối với các nhiệm vụ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

			Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
8	Nơi nhận	- Tại nơi nhận, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nơi nhận “<i>Như điều 10</i>” thành “<i>Như Điều 10</i>” và chuyển lên vị trí đầu tiên; điều chỉnh nơi nhận “<i>Bộ Tư pháp (Cục KTVB&CTHPL-BTP)</i>” thành “<i>Cục KTVB&TCTHPL – Bộ Tư pháp</i>” và điều chỉnh phong chữ cho phù hợp.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý như sau: Nơi nhận: - Như Điều 10; - Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp); - Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Kiểm toán nhà nước khu vực V; - BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; - UBND các xã, phường; - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT.
9	Về kỹ thuật viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật	Về kỹ thuật viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật: Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP “<i>Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn</i>	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý.

		<i>bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung.</i> <i>Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản”.</i>	
10	Đối với thành phần hồ sơ	- Đối với Bản so sánh, thuyết minh: Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (thuyết minh những nội dung được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung; nội dung thay thế, bãi bỏ...). - Đối với Bản tổng hợp ý kiến góp ý: Đề nghị cơ quan soạn thảo liệt kê đầy đủ các chủ thể góp ý.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý.